

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Khoa học đất và phân bón

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quốc Khương

2. Ngày tháng năm sinh: 08/05/1985; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 474, ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 474, ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại nhà riêng: -; Điện thoại di động: 0942-679-867; E-mail: nqkhuong@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 12 năm 2018: Nghiên cứu viên, Bộ môn Khoa học đất, Khoa Nông nghiệp & SHUD, Đại học Cần Thơ.

Trong đó, từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 5 năm 2018: Nghiên cứu sinh, Bộ môn Vi sinh vật, Khoa Khoa học, Trường Đại học Prince of Songkla, Thái Lan. Từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 2 năm 2019: Sau tiến sĩ tại Bộ môn Vi sinh vật, Khoa Khoa học, Trường Đại học Prince of Songkla, Thái Lan.

Từ tháng 3 năm 2019 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Khoa học cây trồng, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: +84292 3832 663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Cửu Long

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 08 năm 2008; số văn bằng: 0209918; ngành: Quản lý đất đai, chuyên ngành: -; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 12 năm 2010; số văn bằng: 001880; ngành: Khoa học đất; chuyên ngành: -; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 9 tháng 5 năm 2018; số văn bằng: -; ngành: Vi sinh vật; chuyên ngành: -; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Prince of Songkla, Thái Lan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chuyên ngành Khoa học đất và phân bón, ngành Nông nghiệp, liên ngành Nông nghiệp-Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dinh dưỡng khoáng cây trồng.

- Vi sinh vật ứng dụng trong trồng trọt.

- Khác: Các nghiên cứu liên quan về dinh dưỡng đất - cây trồng và vi sinh vật ứng dụng trong trồng trọt.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 06 cấp cơ sở, 01 cấp tỉnh và 01 cấp bộ;

- Đã công bố (số lượng) 115 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chi tịch HĐGS nhà nước

- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Quyết định số 88/QĐ-UBND tỉnh Hậu Giang về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 10 cá nhân đã đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh Hậu Giang năm 2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng và chấp hành các quy định của Nhà nước và pháp luật. Đối với trong công việc, đầy nhiệt huyết và phấn đấu để đạt tốt các yêu cầu của nhà giáo. Hỗ trợ đồng nghiệp trẻ và xây dựng tình đoàn kết trong môi trường làm việc và sinh sống. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao. Vì vậy, ứng viên hy vọng mình đủ tiêu chuẩn của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 4 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	-	-					
2	2017-2018	-	-					
3	2018-2019	-	-	0	0			277,5/403,0/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020	-	-	03	05			330,5/649,9/270
5	2020-2021	-	-	03	20			380,0/989,6/270
6	2021-2022	-	-	-	10			462,5/750,6/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh ngữ

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Thái Lan năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thái Lê (M0116007)		X	X		2016-2018	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 3711/QĐ-ĐHCT, ngày 29 tháng 10 năm 2020
2	Thạch Đa Rô (M0118005)		X	X		2018-2020	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 4197/QĐ-ĐHCT, ngày 26 tháng 11 năm 2020
3	Nguyễn Thị Bích Trân (M0118018)		X	X		2018-2020	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 4197/QĐ-ĐHCT, ngày 26 tháng 11 năm 2020
4	Phan Ngọc Ngân (M0119015)		X	X		2019-2021	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 6025/QĐ-ĐHCT, ngày 31 tháng 12 năm 2021
5	Lê Châu Tứ (M0119022)		X	X		2019-2021	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 6025/QĐ-ĐHCT, ngày 31 tháng 12 năm 2021
6	Tăng Phúc Khánh (M0119002)		X	X		2019-2021	Trường Đại học Cần Thơ	Số: 1313/QĐ-ĐHCT, ngày 27 tháng 4 năm 2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Quản lý độ phì nhiêu đất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long	CK	Đại học Cần Thơ, 2016	5	-	280-319 320-361 458-500	Số: 1900/GXN-ĐHCT
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp: Nguyên lý và ứng dụng trên cây khóm tơ	CK	Đại học Cần Thơ, 2022	4	X	1-340	Số: 1901/GXN-ĐHCT
2	Cây bắp: Biện pháp canh tác cải thiện năng suất bắp ở Đồng bằng sông Cửu Long	CK	Đại học Cần Thơ, 2022	5	X	1-183	Số: 1905/GXN-ĐHCT

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp (DRIS) trong bón phân cân đối cho cây bắp lai ở Đồng bằng sông Cửu Long	CN	B2014-16-39, cấp bộ	2014-2016	Nghiệm thu ngày 18/7/2017, xếp loại "đạt"
2	Nghiên cứu biện pháp canh tác giảm thiểu thiệt hại sản xuất lúa ở vùng xâm nhập mặn tại Hậu Giang	CN	09/HĐ-KHCN, cấp tỉnh	2014-2016	Nghiệm thu ngày 24/3/2017, xếp loại "đạt"
3	Đánh giá mức độ nhiễm mặn và sodic hóa trên tính chất hóa học của đất lúa tôm ở một số vùng sinh thái ĐBSCL	CN	T2014-27, cấp cơ sở	(4/2014 – 4/2015)	Nghiệm thu ngày 25/4/2014, xếp loại "tốt"
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm phân hữu cơ vi sinh từ các dòng vi khuẩn <i>Rhodobacter sphaeroides</i> , <i>Rhodopseudomonas palustris</i> được phân lập trên đất phèn và thử nghiệm đối với cây lúa trồng trong điều kiện nhà lưới	CN	T2018-59, cấp cơ sở	(5/2018 – 11/2018)	Nghiệm thu ngày 16/11/2018, xếp loại "xuất sắc"
2	Hoàn thiện chế phẩm hữu cơ vi sinh để ứng dụng trong tăng năng suất khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) và cải thiện chất lượng đất phèn	CN	T2019-66, cấp cơ sở	(6/2019 – 4/2020)	Nghiệm thu ngày 13/4/2020, xếp loại "tốt"
3	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn "quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía" có khả năng cung cấp δ-	CN	T2020-70, cấp cơ sở	(6/2020 – 12/2020)	Nghiệm thu ngày 22/12/2020, xếp loại "tốt"

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	aminolevulinic acid từ đất nhiễm mặn tôm-lúa				
4	Phân lập, tuyển chọn, định danh và ứng dụng vi khuẩn nội sinh rễ quýt đường đến sinh trưởng và năng suất cây quýt đường tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	CN	TCN2021-12, cấp cơ sở	(11/2021-11/2021)	Nghiệm thu ngày 28/11/2021, xếp loại "tốt"
5	Phân lập, tuyển chọn, định danh vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng hòa tan kali và ứng dụng để hỗ trợ sinh trưởng cây lúa trồng trên đất phèn tại nhà lưới	CN	T2021-94, cấp cơ sở	(4/2021-12/2021)	Nghiệm thu ngày 22/12/2021, xếp loại "xuất sắc"

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Dinh dưỡng Đạm, Lân, Kali, Canxi và Magie của cây ngô trồng trên đất phù sa và phèn nhẹ ở Đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)			38, 78-81	9/2011
2	Ảnh hưởng của kỹ thuật tưới luân phiên lên sự khoáng hóa đạm của đất phù sa trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333			23a, 129-136	9/2012

3	Ảnh hưởng của biện pháp quản lý nước đến tốc độ khoáng hóa đạm trên đất phèn trồng lúa.	4	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		Chuyên đề Phát triển nông nghiệp bền vững, 27-32	11/2012
4	Ảnh hưởng của biện pháp tưới lên hiệu quả sử dụng phân đạm, năng suất lúa trên đất phù sa và đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long.	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		26b, 255-261	4/2013
5	Ảnh hưởng của bón đạm, lân, kali kết hợp bã bùn mía lên sinh trưởng, độ Brix và năng suất của cây mía đường trên đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		29b, 70-77	11/2013
6	Sử dụng bảng so màu lá trong bón đạm cho cây mía đường (<i>Sacharum officinarum</i> L.) trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long.	3	-	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		24, 41-47	12/2013
7	Dinh dưỡng khoáng đạm, lân và kali của cây đậu xanh trồng trên đất cát (arenosols), đất nâu vàng (lixisols) và đất nâu đỏ (ferralsols) trong điều kiện nhà lưới.	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		30b, 102-111	2/2014
8	Sử dụng kỹ thuật lô khuyết trong đánh giá dinh dưỡng khoáng đạm, lân và kali của cây mía trên đất phù sa đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		3+4, 56-66	2/2014
9	Ảnh hưởng của biện pháp tưới tiết kiệm và vùi rơm đến sự phát thải khí CH ₄ , N ₂ O và năng suất lúa Đông Xuân trên đất phù sa ở Vĩnh Long.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		5, 31 – 37	3/2014
10	Dinh dưỡng khoáng đạm, lân và kali của cây đậu bắp trồng trên đất đỏ (ferralsols), đất xám (Acrisols) và đất phù sa (fluvisols) trong điều kiện nhà lưới.	3	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		43, 50-57	4/2014
11	Ảnh hưởng của bón phân rơm hữu cơ lên phát thải khí CH ₄ ,	2	X	Tạp chí Khoa học Trường		32b, 46-52	6/2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	N ₂ O và năng suất lúa trong điều kiện nhà lưới.			Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333			
12	Ảnh hưởng của bón cân đối dưỡng chất lên năng suất của bắp lai trồng trên đất phù sa không được bồi.	3	-	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		15, 59-64	8/2014
13	Sử dụng phương pháp bón phân đạm theo bảng so màu lá trong chẩn đoán nhu cầu đạm của cây mía dựa trên sinh trưởng mía trên đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		33b, 12-20	8/2014
14	Diễn biến sinh trưởng của cây mía đường trên đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	3	-	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		44, 18-23	8/2014
15	Chẩn đoán diễn biến nhu cầu đạm theo bảng so màu lá trong bón phân đạm cho cây mía đường ở Đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		44, 39-47	8/2014
16	Biện pháp giảm thiểu phát thải mêtan và oxit nitơ trên đất phù sa trồng lúa bằng bón thấm urê.	2	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		44, 48-52	8/2014
17	Ảnh hưởng của mức bón đạm đến khả năng hấp thu vi lượng (Cu, Fe, Zn và Mn) của cây mía đường trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		22, 60-65	11/2014
18	Sử dụng “kỹ thuật lô khuyết” trong đánh giá sinh trưởng và đáp ứng năng suất mía vụ gốc trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long.	3	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		Chuyên đề Hướng tới nền nông nghiệp công nghệ và xây dựng nông thôn mới, 77-84	12/2014
19	Ảnh hưởng của biện pháp tưới lên phát thải khí CH ₄ , N ₂ O và	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát		Chuyên đề Hướng tới	12/2014

	năng suất lúa trồng trong nhà lưới.			triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			nền nông nghiệp công nghệ và xây dựng nông thôn mới, 85-92	
20	Ứng dụng “hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp” (DRIS) trong chẩn đoán tình trạng dinh dưỡng trung, vi lượng cho cây mía trên đất phù sa.	3	-	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			Chuyên đề Hướng tới nền nông nghiệp công nghệ và xây dựng nông thôn mới, 93-102	12/2014
21	Ảnh hưởng của các liều lượng kali và bã bùn mía đến sinh trưởng, năng suất, độ Brix và hấp thu kali của cây mía trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			Chuyên đề Hướng tới nền nông nghiệp công nghệ và xây dựng nông thôn mới, 103-114	12/2014
22	Ảnh hưởng của bón bã bùn mía và nấm <i>Trichoderma</i> đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu NPK của mía đường trên đất phù sa tại Long Mỹ - Hậu Giang.	3	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			1, 58-65	1/2015
23	Đánh giá đặc tính đất lúa - tôm bị nhiễm mặn ở các vùng sinh thái thuộc tỉnh Bạc Liêu.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			3+4, 108-115	2/2015
24	Đặc tính mặn đất lúa trong mô hình lúa tôm tại tỉnh Cà Mau.	2	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)			45, 104-110	6/2015
25	Ảnh hưởng của liều lượng đạm và thời điểm bắt đầu bón đạm theo bảng so màu lá trong bón phân đạm cân đối cho cây mía	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333			38(2), 95-105	6/2015

	vụ gốc trên đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long.						
26	Ảnh hưởng của luân canh đến sinh trưởng và năng suất bắp lai trên đất phù sa không bồi tại An Giang.	6	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		15, 29-36	8/2015
27	Đánh giá khả năng cung cấp dưỡng chất bản địa của đất cho cây mía trên đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859- 2333		39(b), 61-74	8/2015
28	Khả năng hấp thu NPK của cây bắp lai ở các mô hình luân canh trên đất phù sa không được bồi ở đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		17, 10-20	9/2015
29	Ảnh hưởng của bón khuyết NPK và bã bùn mía lên hấp thu NPK của cây mía vụ gốc trên đất phù sa tại Long Mỹ - Hậu Giang.	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859- 2333		40b(2), 99-108	10/2015
30	Ảnh hưởng của bón lân phối trộn "Dicarboxylic acid polymer - DCAP" đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn Đồng bằng sông Cửu Long.	5	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859- 2333		41b, 63-70	12/2015
31	Đánh giá nhu cầu dinh dưỡng khoáng NPK của bắp lai (<i>Zea mays</i> L.) trồng trên đất phù sa không bồi ở Đồng bằng sông Cửu Long.	3	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		46, 33-40	12/2015
32	Đáp ứng năng suất lúa đối với việc bón lân phối trộn Dicarboxylic Acid Polymer (DCAP) trên đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long.	5	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 0686-3743 (nay là 2525-2216)		46, 49-55	12/2015
33	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng khoáng đa, trung và vi lượng bằng xác định hàm lượng dưỡng chất trong lá mía trên đất phù sa Cù Lao Dung-Sóc Trăng.	3	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		3+4, 92-101	2/2016
34	Hiệu quả của bón đạm theo bảng so màu lá và bã bùn mía	3	X	Tạp chí Khoa học Nông		14 (3), 346-359	3/2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu đạm của cây mía trồng trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long.			ng nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			
35	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của bón phân rom hữu cơ vi sinh đến phát thải khí CH ₄ , N ₂ O và năng suất lúa trong nhà lưới.	2	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		47, 54-59	4/2016
36	Cải thiện sinh trưởng, năng suất bắp lai và hiệu quả kinh tế bằng biện pháp “Quản lý dưỡng chất theo địa điểm chuyên biệt” trên đất phù sa không bồi tại An Phú-An Giang.	3	-	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		47, 47-53	4/2016
37	Ảnh hưởng của bón NPK đến sinh trưởng, năng suất lúa trên đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		43b, 24-34	4/2016
38	Khả năng hấp thu canxi và magiê của cây bắp lai ở các mô hình luân canh trên đất phù sa không được bồi tại đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		12, 41-51	6/2016
39	Gia tăng hấp thu NPK và hiệu quả kinh tế trồng bắp lai bằng biện pháp “quản lý dưỡng chất theo địa điểm chuyên biệt” trên đất phù sa không được bồi tại An Phú – An Giang.	4	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004		14 (11), 1764-1772	11/2016
40	Đánh giá đáp ứng năng suất và khả năng hấp thu lân của cây lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) trên đất phèn Đồng bằng Sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp. Trường đại học nông lâm TP. Hồ Chí Minh, ISSN 1859-1523		2, 11-20	3/2017
41	Khả năng hấp thu dưỡng chất lân của cây lúa đối với các mức lân và lân trộn với hoạt chất nâng cao hiệu quả sử dụng phân lân vào vụ hè thu trên đất phèn đồng bằng sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		6, 35-42	3/2017

42	Ảnh hưởng của biện pháp tưới tiết kiệm và xử lý rơm đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phù sa tại Bình Minh - Vĩnh Long.	3	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học An Giang, ISSN 0866-8086		14 (2), 34 - 43	4/2017
43	Đánh giá sinh trưởng và năng suất bốn giống lúa trên các vùng sinh thái nông nghiệp đất phèn tại Đồng bằng Sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004		15 (4), 429-437	4/2017
44	So sánh bón phân đa - trung lượng đến sinh trưởng và năng suất bắp lai (<i>Zea mays</i> L.) trên đất phù sa không bồi và đất phù sa bồi ở đồng bằng sông Cửu Long.	7	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		50, 26-35	4/2017
45	Khả năng cung cấp dinh dưỡng từ đất và hấp thu N, P, K, Ca, Mg của cây bắp lai trên đất phù sa được bồi và không được bồi ở Đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004		15(5), 652-663	5/2017
46	Khả năng hấp thu vi lượng (Cu, Fe, Zn và Mn) của cây bắp lai ở các mô hình luân canh trên đất phù sa không bồi ở Đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		48b, 81-91	6/2017
47	Ảnh hưởng của các mức đạm và biện pháp bón thâm urê đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phù sa tại Bình Minh - Vĩnh Long.	3	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học An Giang, ISSN 0866-8086		16(4), 20 - 29	8/2017
48	Hấp thu dinh dưỡng khoáng và năng suất lúa hè thu trên đất phèn tại Đồng bằng Sông Cửu Long.	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004		15(8), 1043-1053	8/2017
49	The potential of acid-resistant purple nonsulfur bacteria isolated from acid sulfate soils for reducing toxicity of Al ³⁺ and Fe ²⁺ using biosorption for agricultural application	4	X	Biocatalysis and Agricultural Biotechnology, ISSN 1878-8181	ESCI, Q2	12, 329-340	10/2017
50	Ảnh hưởng của bón vôi và lân trộn polyme axit dicarboxyl đến năng suất, hấp thu dưỡng chất	4	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông		24, 28-37	12/2017

	của cây lúa vụ hè thu trên đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long.			thôn, ISSN 1859-4581			
51	Đánh giá sự kết hợp giữa bón vôi và lân trộn dicarboxylic axit polyme đến năng suất, khả năng hấp thu dưỡng chất của cây lúa vụ đông xuân trên đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long.	3	-	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		1, 29-39	1/2018
52	Al ³⁺ and Fe ²⁺ toxicity reduction potential by acid-resistant strains of <i>Rhodopseudomonas palustris</i> isolated from acid sulfate soils under acidic conditions	4	X	Annals of Microbiology, ISSN 1869-2044	ISI, Q4, IF: 1,431	68(4), 217-228	3/2018
53	Đặc điểm thổ nhưỡng và năng suất ngô lai (<i>Zea mays</i> L.) trên đất phù sa bồi và đất phù sa không được bồi ở An Phú - An Giang.	4	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		52, 16-21	4/2018
54	Enhancement of rice growth and yield in actual acid sulfate soils by potent acid-resistant <i>Rhodopseudomonas palustris</i> strains for producing safe rice	5	X	Plant and Soil, ISSN 1573-5036	SCI, Q1, IF: 3,259	429(1-2), 483-501	6/2018
55	Ảnh hưởng của độ mặn nước tưới đến sinh trưởng, năng suất và sự sản sinh proline của các giống lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) trồng trên đất nhiễm mặn trong điều kiện nhà lưới.	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004		16(7), 671-681	7/2018
56	Đánh giá hiệu quả của bốn dòng vi khuẩn kháng nhôm và sắt lên cải thiện độ phì nhiêu và chất lượng đất phèn có sự hiện diện của cây lúa trong điều kiện nhà lưới.	5	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		Hội nghị Khoa học đất 2018, 176-181	8/2018
57	Selection of acid-resistant purple nonsulfur bacteria from peat swamp forests to apply as biofertilizers and biocontrol agents	6	-	Journal of Soil Science and Plant Nutrition, ISSN 0718-9516	SCIE, Q1, IF: 3,872	19(3), 488-500	4/2019

58	Vai trò của vi khuẩn <i>Rhodopseudomonas palustris</i> đến tăng hấp thu đạm và giảm tích lũy nhôm, sắt trong hạt lúa trên đất phèn vùng Tứ giác Long Xuyên.	6	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		55, 66-72	4/2019
59	Ảnh hưởng của chế phẩm hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn Hòn Đất trong điều kiện nhà lưới.	6	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		55(2), 89-94	4/2019
60	Hiệu quả của chế phẩm hữu cơ vi sinh chứa 4 dòng vi khuẩn <i>Rhodopseudomonas</i> sp. đối với hấp thu đạm, nhôm và sắt trong cây lúa trồng trên đất phèn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang ở điều kiện nhà lưới.	4	-	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		55(2), 133-140	4/2019
61	Tuyển chọn và đánh giá vi khuẩn nội sinh lúa mùa nổi có khả năng hòa tan photpho.	3	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		15, 17-22	8/2019
62	Đặc tính của phẫu diện đất phèn chuyên canh khóm và xen canh với cam sành, dứa tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	7	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333		55(1), 1-11	8/2019
63	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía chịu được độc chất Al^{3+} từ đất phèn trồng lúa.	6	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216		56, 23-28	8/2019
64	Phân lập, tuyển chọn và đánh giá khả năng hòa tan photpho của vi khuẩn được phân lập từ đất phèn vùng rẫy lúa mùa nổi.	3	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		18, 24-29	9/2019
65	Tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây quýt đường có khả năng hòa tan các dạng lân khó tan trong đất phèn.	6	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		2, 10-15	1/2020
66	Mechanisms of acid-resistant <i>Rhodopseudomonas palustris</i> strains to ameliorate acidic	6	X	Biocatalysis and Agricultural	ESCI, Q2	24, 101520	2/2020

	stress and promote plant growth.			Biotechnology, ISSN 1878-8181				
67	Đặc điểm hình thái và hóa lý của phẫu diện đất phèn canh tác quýt đường (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	9	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			6, 30-40	3/2020
68	Sử dụng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía để cải thiện độ phì nhiêu và chất lượng đất phèn vùng Tứ giác Long Xuyên.	7	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			58, 25-30	3/2020
69	Ảnh hưởng của mức bón đạm cho đậu xanh trồng xen canh với mía đến một số tính chất đất phèn và năng suất mía tại Long Mỹ – Hậu Giang.	1	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			18(4), 248-254	4/2020
70	Đặc tính hình thái và hóa, lý của phẫu diện đất phèn canh tác khóm tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	8	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859- 2333			56, 88-97	5/2020
71	The biocontrol potential of acid-resistant <i>Rhodopseudomonas palustris</i> KTSSR54 and its exopolymeric substances against rice fungal pathogens to enhance rice growth and yield.	4	-	Biological Control, ISSN 1049-9644	SCIE, Q1, IF: 3,687		150, 104354	6/2020
72	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác lúa tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.	6	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			11, 35-43	6/2020
73	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp trong đánh giá tình trạng dinh dưỡng khoáng NPK cho cây quýt đường tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	7	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			59, 55-60	6/2020
74	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm và tổng hợp IAA từ rễ quýt đường.	6	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông			13, 18-23	7/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

				thôn, ISSN 1859-4581				
75	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây mía đường có khả năng cố định đạm và tổng hợp indole acetic acid.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			14, 110-116	7/2020
76	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác khóm tại xã Thanh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	6	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			16, 3-10	8/2020
77	Đặc điểm hình thái và hóa học của phẫu diện đất phù sa canh tác cam sành (<i>Citrus nobilis</i> L.) tại xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.	7	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			17, 9-18	9/2020
78	Tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây mía đường có khả năng hòa tan lân.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			20, 35-41	10/2020
79	Foliar selenium application for improving drought tolerance of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.).	6	-	Open Agriculture, ISSN 2391-9531	ISI, Q2		6, 93-101	1/2021
80	Đặc điểm của phẫu diện đất phèn trồng thanh long (<i>Hylocereus costaricensis</i> L.) tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.	7	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			1, 67-76	1/2021
81	Đánh giá hiệu quả của vi khuẩn vùng rễ cố định đạm đến cải thiện độ phì nhiêu đất và hấp thu đạm của cây mè trồng trên đất phù sa không được bồi.	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			2(123), 60-68	2/2021
82	Nghiên cứu xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp dinh dưỡng khoáng trung vi lượng cho cây quýt đường tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	6	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			62, 45-50	3/2021

83	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp δ -aminolevulinic axit để tăng sinh trưởng và năng suất lúa trồng trên đất mặn Hồng Dân-Bạc Liêu.	7	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			7, 25-32	4/2021
84	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía đến sinh trưởng cây lúa trong điều kiện ô nhiễm As.	9	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			8, 84-92	4/2021
85	Ảnh hưởng của nồng độ naphthalene acetic acid đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu N, P, K của mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L.) trên đất phù sa không được bồi tại Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ.	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333			57(2B), 121-126	4/2021
86	Hiệu quả của vi khuẩn hòa tan lân <i>Rhodobacter sphaeroides</i> đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất mặn Hồng Dân-Bạc Liêu trong điều kiện nhà lưới.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			10, 16-23	5/2021
87	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn hòa tan lân, cố định đạm và tổng hợp IAA vùng rễ cây đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i>).	8	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			5(126), 90-95	5/2021
88	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác lúa kém hiệu quả tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.	5	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			11, 83-94	6/2021
89	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm <i>Rhodobacter sphaeroides</i> đến năng suất lúa trồng trên đất mặn huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu trong điều kiện nhà lưới.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			12, 24-29	6/2021
90	Đặc điểm của đất phèn trồng khóm tại xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	6	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			63, 28-33	6/2021
91	Xác định đặc tính hình thái và hóa học phẫu diện đất phèn	6	X	Tạp chí Khoa học Trường			57(3B), 131-137	6/2021

	nhiễm mặn của hệ thống canh tác lúa-tôm tại xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.			Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333				
92	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp δ -aminolevulinic acid và số lần tưới nước mặn đến sinh trưởng và năng suất lúa trồng trên đất mặn Thạnh Phú-Bến Tre.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			13, 14-20	7/2021
93	Hiệu quả của chế phẩm vi sinh chứa vi khuẩn hòa tan lân đến cải thiện sinh trưởng và năng suất ngô lai trồng trên đất phù sa trong đê tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang trong điều kiện nhà lưới.	8	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			19(9), 1135-1142	9/2021
94	Sử dụng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp Exopolymeric để cải thiện sinh trưởng và năng suất lúa trong điều kiện đất mặn Thạnh Phú-Bến Tre.	8	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			64, 22-28	9/2021
95	Two strains of <i>Luteovulum sphaeroides</i> (purple nonsulfur bacteria) promote rice cultivation in saline soils by increasing available phosphorus.	11	X	Rhizosphere, ISI, Q1, ISSN 2452-2198	IF: 3,129		100456	10/2021
96	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh cố định đạm và tổng hợp IAA từ rễ cây cam sành tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.	8	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			19, 32-41	10/2021
97	Đánh giá khả năng cung cấp dưỡng chất của đất phù sa trong đê, hấp thu NPK, và đáp ứng năng suất mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L.).	7	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859- 2333			57(5B), 185-192	10/2021
98	Ảnh hưởng của vi khuẩn vùng rễ và nội sinh hoà tan lân đến sinh trưởng và năng suất cây mè trên đất phù sa trong đê.	8	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			10(131), 65-73	10/2021

99	Foliar application of boron positively affects the growth, yield, and oil content of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.).	5	X	Open Agriculture, ISSN 2391-9531	ISI, Q2		7(1), 30-38	2/2022
100	Đặc điểm của đất phèn trồng khóm vụ gốc tại thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	5	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			3+4, 72-77	2/2022
101	Ảnh hưởng của bón N, P, K, Ca, Mg đến sinh trưởng và năng suất dưa lưu gốc trên đất phèn tại Vị Thanh-Hậu Giang.	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			02(134), 47-55	2/2022
102	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp dinh dưỡng N, P và K cho cây cam sành tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			02(134), 76-81	2/2022
103	Xác định hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp đối với dinh dưỡng N, P, K cho cây quýt đường.	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			03(135), 61-65	3/2022
104	Xác định các yếu tố hạn chế dinh dưỡng trong canh tác dưa vụ gốc trên đất phèn tỉnh Hậu Giang.	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			03(135), 66-71	3/2022
105	Potential of endophytic phosphorus-solubilizing bacteria to improve soil fertility, P uptake, and yield of maize (<i>Zea mays</i> L.) cultivated in alluvial soil in dikes in Vietnam.	13	X	Bulgarian Journal of Agricultural Science, ISSN 1310-0351	ESCI, Q3		28(2), 217-228	4/2022
106	Improvement of green soybean growth and yield in alluvial soil by endophytic nitrogen-fixing bacteria.	9	X	Asian Journal of Plant Sciences, ISSN 1812-5697	Scopus, Q3		21, 272-282	4/2022
107	Đặc tính hóa học đất phèn trồng khóm (<i>Ananas comosus</i>) vụ to	5	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ nông			6(1), 2835-2840	4/2022

	tại xã Tân Tiến, thành phố Việt Thanh, tỉnh Hậu Giang.			ng nghiệp trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, ISSN 2588-1256			
108	Potential of N ₂ -fixing endophytic bacteria isolated from maize roots as biofertiliser to enhance soil fertility, N uptake, and yield of <i>Zea mays</i> L. cultivated in alluvial soil in dykes.	11	X	Australian Journal of Crop Science, ISSN 1835-2707	Scopus, Q3	16(04), 461-470	4/2022
109	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tím cố định đạm đến sinh trưởng, năng suất và độ phì nhiêu đất trồng hành tím (<i>Allium ascalonicum</i> L.).	11	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		10, 67-74	5/2022
110	Use of potent acid resistant strains of <i>Rhodopseudomonas</i> spp. in Mn-contaminated acidic paddies to produce safer rice and improve soil fertility.	11	X	Soil and Tillage Research, ISSN 0167-1987	SCI, Q1, IF 5.374	221, 105393	6/2022
111	Enhancement of green soybean growth and yield in alluvial soil by potent N ₂ -fixing rhizospheric bacteria.	10	X	Pakistan Journal of Biological Sciences, ISSN 1812-5735	Scopus, Q3	25(6), 549-5595	6/2022
112	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp đối với dinh dưỡng N, P, K cho cây quýt hồng (<i>Citrus reticulata</i> Blanco.) tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.	7	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ nông nghiệp trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, ISSN 2588-1256		6(2), 3005-3010.	6/2022
113	Đánh giá sinh trưởng và năng suất khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) vụ gốc trên đất phèn tại thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bằng quản lý dưỡng chất theo địa điểm chuyên biệt.	2	-	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581		11, 19-27	6/2022

114	Potential of potent purple nonsulfur bacteria isolated from rice-shrimp systems to ameliorate rice (<i>Oryza sativa</i> L.) growth and yield in saline acid sulfate soil.	11	X	Journal of Plant Nutrition, ISSN 1532-4087	ISI, Q2, IF: 1,707	10.1080/0190416-7.2022.-2087089.	6/2022
115	Effects of nitrogen fertilization and nitrogen fixing endophytic bacteria supplementation on soil fertility, N uptake, growth, and yield of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.) cultivated on alluvial soil in dykes.	12	X	Applied and Environmental Soil Science, ISSN 1687-7675	ISI, Q2	2022: 1972585.	6/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 12

- 1) **Khuong, N.Q., Kantachote, D., Onthong, J., Xuan, L.N.T., and Sukhoom, A. 2018.** Enhancement of rice growth and yield in actual acid sulfate soils by potent acid-resistant *Rhodopseudomonas palustris* strains for producing safe rice. *Plant and Soil*. 429(1-2): 483-501. (ISI, Q1, IF: 3,259).
- 2) **Khuong, N. Q., Kantachote, D., Nookongbut, P., Onthong, J., Xuan, L. N. T., & Sukhoom, A. 2020.** Mechanisms of acid-resistant *Rhodopseudomonas palustris* strains to ameliorate acidic stress and promote plant growth. *Biocatalysis and Agricultural Biotechnology*, 24 101520. (ESCI, Q2).
- 3) **Khuong, N.Q., Kantachote, D., Thuc, L.V., Nookongbut, P., Xuan, L.N.T., Nhan, T.C., Xuan, N.T.T & Tantirungkij, M. 2020.** Potential of Mn²⁺-resistant purple nonsulfur bacteria isolated from acid sulfate soils to act as bioremediators and plant growth promoters via mechanisms of resistance. *Journal of Soil Science and Plant Nutrition*. 20(4), 2364-2378. (SCIE, Q1, IF 3,872).
- 4) **Khuong, N. Q., Huu, T. N., Thuc L.V., Thu, L.T.M., Xuan, D.T., Quang L.T., Nhan, T. C., Tran, H. N., Tien, P. D., Xuan, L. N. T., & Kantachote, D., 2021.** Two strains of *Luteovulum sphaeroides* (purple nonsulfur bacteria) promote rice cultivation in saline soils by increasing available phosphorus. *Rhizosphere*, 100456. (ISI, Q1, IF: 3,129).
- 5) **Khuong, N.Q., Thuc, L.V., Tran, N.T.B., Huu, T.N., & Sakagami, J.I. 2022.** Foliar application of boron positively affects the growth, yield, and oil content of sesame (*Sesamum indicum* L.). *Open Agriculture*, 7(1), 30-38. (ISI, Q2).
- 6) **Thuy, V.T.B., L.T. Quang, L.V. Thuc, L.T.M. Thu, T.N. Huu, P.T.T. Linh, D.T. Xuan, L.N.T. Xuan, N.Q. Khuong. 2022.** Improvement of green soybean growth and yield in alluvial soil by endophytic nitrogen-fixing bacteria. *Asian Journal of Plant Sciences*. 21: 272-282. (Scopus, Q3).
- 7) **Khuong, N.Q., Kantachote, D., Thuc, L.V., Huu, T.N., Nhan, T.C., Nguyen, P.C., Thu, L.T.M., Van, T.T.B., Xuan, N.T.T., Xuan, L.N.T., & Xuan, D.T. 2022.** Use of potent acid resistant strains of *Rhodopseudomonas* spp. in Mn-contaminated acidic paddies to produce safer rice and improve soil fertility. *Soil and Tillage Research*. 221: 105393. (SCI, Q1, IF 5.374).
- 8) **Thuy, V.T.B., L.T. Quang, L.V. Thuc, T.N. Huu, L.T.M. Thu, L.T.H. Nhu, D.T. Xuan, L.N.T. Xuan, Hue, N.H, N.Q. Khuong. 2022.** Enhancement of green soybean growth

- Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- and yield in alluvial soil by potent N₂-fixing rhizospheric bacteria. Pakistan Journal of Biological Sciences. 25(6): 549-5595. (Scopus, Q3).
- 9) Khuong, N.Q., Quang, L.T., Thuc, L.V., Huu, T.N., Thu, L.T.M., Van, T.T.B., Xuan, D.T., Hue, N.H., Le, N.T.T., Tien, P.D., Nhan, T.C., Xuan, L.N.T., & Xuan N.T.T., 2022. Potential of endophytic phosphorus-solubilizing bacteria to improve soil fertility, P uptake, and yield of maize (*Zea mays* L.) cultivated in alluvial soil in dikes in Vietnam. Bulgarian Journal of Agricultural Science. 28 (2), 217–228. (ESCI, Q3).
- 10) Khuong N.Q., Thuc L.V., Duc H.H., Huu T.N., Van T.T.B., Thu L.T.M., Quang L.T., Xuan D.T., Nhan T.C., Xuan N.T.T., Xuan, L.N.T. 2022. Potential of N₂-fixing endophytic bacteria isolated from maize roots as biofertiliser to enhance soil fertility, N uptake, and yield of *Zea mays* L. cultivated in alluvial soil in dykes. Australian Journal of Crop Science. 16(04):461-470. (Scopus, Q3).
- 11) Khuong N.Q, Kantachote D., Dung N.T.T, Huu, T.N, Thuc L.V, Thu L.T.M, Quang L.T, Xuan D.T, Nhan T.C., Tien P.D., Xuan L.N.T. 2022. Potential of potent purple nonsulfur bacteria isolated from rice-shrimp systems to ameliorate rice (*Oryza sativa* L.) growth and yield in saline acid sulfate soil. Journal of Plant Nutrition. <https://doi.org/10.1080/01904167.2022.2087089>. (ISI, Q2, IF: 1,707).
- 12) Thuc L.V., Huu T.N, Ngoc T.M., Hue N.H., Quang L.T., Xuan D.T., Nhan T.C., Xuan L.N.T., Thu L.T.M, Akagi I., Sakagami J.I. & Khuong N.Q. 2022. Effects of nitrogen fertilization and nitrogen fixing endophytic bacteria supplementation on soil fertility, n uptake, growth, and yield of sesame (*Sesamum indicum* L.) cultivated on alluvial soil in dykes. Applied and Environmental Soil Science 2022: 1972585. <https://doi.org/10.1155/2022/1972585>. (ISI, Q2).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg):
Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-
2					
...					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo sau đại học ngành Khoa học cây trồng.	Tổ phó (Chủ trì)	Số 1771/QĐ-ĐHCT, ngày 4 tháng 6 năm 2019	Trường Đại học Cần Thơ	-	
2	Chương trình đào tạo sau đại học ngành Khoa học cây trồng.	Ủy viên (Tham gia)	Số 5142/QĐ-ĐHCT, ngày 29 tháng 11 năm 2021	Trường Đại học Cần Thơ	-	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 2 năm.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: đủ

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS: đủ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Khuong

Nguyễn Quốc Khuong